

Số: 1085/NHNN-TD

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2015

V/v triển khai Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản

Kính gửi:

- NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP.Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang;
- Các Ngân hàng thương mại.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh tại Công văn số 254/VPCP-KTN ngày 13/01/2015 của Văn phòng Chính phủ và tại cuộc họp ngày 28/01/2015, để tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/07/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (Nghị định 67) và Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định 67 (Thông tư 22), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố có tên nêu trên và các ngân hàng thương mại, khẩn trương thực hiện một số nội dung sau:

1. Đối với các ngân hàng thương mại

1.1. Ban hành văn bản hướng dẫn các chi nhánh, phòng giao dịch về trình tự, thủ tục thẩm định dự án, phương án vay vốn theo Nghị định 67 và Thông tư 22 của khách hàng theo hướng đơn giản, phù hợp với quy định của pháp luật và trình độ của khách hàng, không chồng chéo với thủ tục phê duyệt danh sách ngư dân đủ điều kiện vay vốn của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; rút ngắn thời gian thẩm định và thông báo kịp thời kết quả thẩm định cho khách hàng.

1.2. Chỉ đạo các chi nhánh, phòng giao dịch khẩn trương tiếp cận các chủ tàu là tổ chức, cá nhân ngay sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt. Tạo điều kiện để khách hàng được vay mức cao nhất có thể theo quy định của Nghị định 67, không bắt buộc chủ tàu phải bổ sung thêm tài sản bảo đảm để triển khai đóng mới, nâng cấp tàu. Việc cho vay vốn lưu động được thực hiện theo quy định hiện hành, tuy nhiên có thể xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm khi chủ tàu tham gia liên kết theo chuỗi sản xuất từ khâu khai thác, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm và ngân hàng kiểm soát được dòng tiền.

1.3. Chỉ đạo các chi nhánh, phòng giao dịch chủ động cung cấp thông tin về chính sách cho vay của ngân hàng theo Nghị định 67 và Thông tư 22 với các cơ

quan truyền thông của Trung ương và địa phương; phối hợp chặt chẽ với các đài phát thanh, truyền hình địa phương để công khai việc thụ lý hồ sơ vay vốn của chủ tàu và kết quả thẩm định của ngân hàng; thông báo kịp thời cho khách hàng các hồ sơ chưa đủ điều kiện vay vốn theo Nghị định 67 và nêu rõ lý do để khách hàng được biết.

2. Đối với NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố ven biển

2.1. Chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong quá trình triển khai chính sách tín dụng theo Nghị định 67, bao gồm cho phép các NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố, các ngân hàng thương mại trên địa bàn được tham gia Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện Nghị định 67 của địa phương nhằm rút ngắn thời gian thẩm định cho vay của các ngân hàng sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt danh sách các chủ tàu đủ điều kiện theo Nghị định 67.

2.2. Chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung nêu tại Điểm 1 văn bản này của các chi nhánh và phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại trên địa bàn.

2.3. Chủ động thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chỉ đạo của ngành về hoạt động tiền tệ ngân hàng nói chung và về triển khai Nghị định 67 nói riêng trên địa bàn; thường xuyên cập nhật tiến độ và kết quả triển khai chính sách tín dụng theo Nghị định 67 tại địa phương đến các cơ quan truyền thông của Trung ương và địa phương nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ của các cơ quan, doanh nghiệp và người dân về các giải pháp điều hành của ngành.

2.4. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kết quả giải quyết hồ sơ vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu hoặc vốn lưu động phục vụ hoạt động khai thác, cung ứng dịch vụ hậu cần ngành thủy sản của các ngân hàng thương mại trên địa bàn.

2.5. Định kỳ vào ngày 15 và ngày cuối mỗi tháng (bắt đầu từ ngày 28/02/2015), báo cáo NHNN kết quả tiếp cận, tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn của chủ tàu và cho vay khai thác hải sản xa bờ theo Thông tư số 22 ngày 15/8/2014 của NHNN theo mẫu biểu số 01 và 02 đính kèm (Hai mẫu biểu này thay thế mẫu biểu quy định tại Công văn số 9353/NHNN-TD ngày 16/12/2014 của NHNN); kịp thời phản ánh về NHNN những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu các đơn vị nghiêm túc tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN;
- PTĐ Nguyễn Đồng Tiến;
- UBND 28 tỉnh, t/phố TW có biển;
- Lưu: VP, Vụ TDCNKT (2).

**TL. THỐNG ĐỐC
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÍN DỤNG CNKT
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Võ Minh Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TIẾP CẬN VÀ TIẾP NHẬN HỒ SƠ VAY VỐN CỦA CHỦ TÀU THEO THÔNG TƯ SỐ 22/2014/TT-NHNN
NGÀY 15/8/2014 CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Đến ngày ...Tháng...Năm 20...

I. Kết quả phê duyệt chủ tàu được tham gia chương trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Số lượng tàu đóng mới được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt:...
- Số lượng tàu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (bao gồm cả tàu đóng mới và tàu nâng cấp) đến ngày báo cáo:...

II. Tình hình tiếp cận và tiếp nhận hồ sơ vay vốn của chủ tàu

Đơn vị: chiếc tàu

| STT | Mục đích vay vốn | Số lượng tàu đã phê duyệt UBND cấp tỉnh phân bổ cho các ngân hàng | Số lượng tàu NHTM đã tiếp cận nhưng chưa nhận được hồ sơ vay vốn | Số lượng tàu NHTM đã nhận hồ sơ vay vốn | | | |
|----------|--|---|--|---|---|------------------------------|-----------------------------------|
| | | | | Tổng số | Trong đó: | | |
| | | | | | Số lượng tàu NHTM đã ký hợp đồng tín dụng | Số lượng tàu NHTM đang xử lý | Số lượng tàu NHTM từ chối cho vay |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Ngân hàng thương mại A | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ | | | | | | |
| | Cho vay nâng cấp tàu | | | | | | |
| 2 | Ngân hàng thương mại B | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ | | | | | | |
| | Cho vay nâng cấp tàu | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | |
| 3 | Tổng cộng (1+2), trong đó: | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ | | | | | | |
| | Cho vay nâng cấp tàu | | | | | | |

Ghi chú: Đề nghị ngân hàng báo cáo rõ lý do đang xử lý, từ chối cho vay đối với từng hồ sơ cụ thể nêu tại cột (7) và cột (8) vào Phần II (Khô khăn, vướng mắc) của mẫu biểu số 02 đính kèm.

Người lập biểu

Kiểm soát

Giám đốc

(Ghi rõ tên, số điện thoại người báo cáo)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ THEO THÔNG TƯ SỐ 22/2014/TT-NHNN
NGÀY 15/8/2014 CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Đến ngày ...Tháng...Năm 20...

I. kết quả cho vay

Đơn vị: triệu đồng, chiếc tàu, số khách hàng

| STT | Mục đích vay vốn | Tổng số lượng tàu được vay đóng mới, nâng cấp | | | | | Tổng số tiền cam kết cho vay theo hợp đồng tín dụng | Doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình | Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu chương trình | Dư nợ tại thời điểm | | | Số khách hàng còn dư nợ | | | | Số lượt khách hàng được vay vốn |
|-----|--|---|------------|-----------------|-----|-----------|---|---|--|---------------------|---------------------------------|--------|-------------------------|------------|--------------|--------------|---------------------------------|
| | | Công suất | | Vật liệu vỏ tàu | | | | | | Tổng số | Trong đó: | | Cá nhân, hộ gia đình | Hợp tác xã | Doanh nghiệp | Tổ chức khác | |
| | | Từ 400CV đến 800CV | Trên 800CV | Vỏ thép | Gỗ | Composite | | | | | Nợ được cơ cấu lại thời hạn trả | Nợ xấu | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) |
| 1 | Cho vay đóng mới, nâng cấp tàu | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Ngân hàng thương mại A | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cho vay nâng cấp tàu | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Ngân hàng thương mại B | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cho vay nâng cấp tàu | | | | | | | | | | | | | | | | |

| STT | Mục đích vay vốn | Tổng số lượng tàu được vay đóng mới, nâng cấp | | | | | Tổng số tiền cam kết cho vay theo hợp đồng tín dụng | Doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình | Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu chương trình | Dư nợ tại thời điểm | | | Số khách hàng còn dư nợ | | | | Số lượt khách hàng được vay vốn |
|-----|--|---|------------|-----------------|-----|-----------|---|---|--|---------------------|---------------------------------|--------|-------------------------|------------|--------------|--------------|---------------------------------|
| | | Công suất | | Vật liệu vỏ tàu | | | | | | Tổng số | Trong đó: | | Cá nhân, hộ gia đình | Hợp tác xã | Doanh nghiệp | Tổ chức khác | |
| | | Từ 400CV đến 800CV | Trên 800CV | Vỏ thép | Gỗ | Composite | | | | | Nợ được cơ cấu lại thời hạn trả | Nợ xấu | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) |
| ... | ... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II | Cho vay vốn lưu động | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Ngân hàng thương mại A | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Ngân hàng thương mại B | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| III | Tổng cộng (1+2+...), trong đó: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cho vay đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cho vay nâng cấp tàu | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cho vay vốn lưu động | | | | | | | | | | | | | | | | |

II. Khó khăn, vướng mắc

III. Đề xuất, kiến nghị

Ghi chú: Cho vay vốn lưu động, các ngân hàng chỉ báo cáo từ cột (8) đến cột (18).

Người lập biểu
(Ghi rõ tên, số điện thoại người báo cáo)

Kiểm soát

Giám đốc